MIRAE ASSET Securities

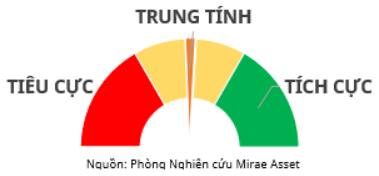
30 Tháng 10, 2026

Bản tin cuối ngày

Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeasset.com.vn

Thang đo sức mạnh thị trường ngắn hạn



Nguồn: Phòng Nghiên cứu Mirae Asset

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN INDEX	1,741.62	-0.8	-1.5	4.3
HNX	252.74	-1.5	-7.0	-5.3
UPCOM	123.73	-0.3	-2.0	9.1
MSCI EM	1,592.58	-0.9	-6.6	12.8
NIKKEI	63,290.11	-2.1	-5.2	23.3
HANG SENG	23,294.42	1.5	-5.4	-11.4
KOSPI	5,730.74	-3.5	-16.2	40.2
FTSE	10,752.29	0.3	1.4	10.2
S&P 500	7,720.39	-0.3	0.9	13.2
NASDAQ	26,184.72	-1.4	-2.5	11.0

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Vietnam	12.9	1.9	16.1
Indonesia	11.3	1.4	12.2
Philippines	8.5	1.2	11.6
Malaysia	14.0	1.5	10.4
Thailand	14.6	1.4	9.3

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	15.5	1.5
Tái cấp vốn	4.5	0	0	0
TPCP 5 năm	4.3	0	-1	112
TPCP 10 năm	4.5	0	0	66

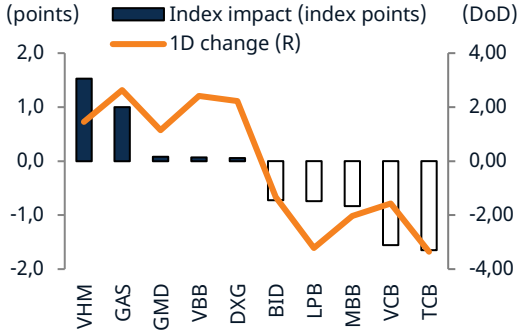
Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US$/VND	25,802	-0.1	-0.6	-2.0
US$/KRW	1,334.1	-0.6	-1.7	-6.8
US$/JPY	157.23	-0.3	-0.1	2.0
US$/EUR	0.8928	-0.2	1.2	3.2
US$/GBP	0.7455	-0.3	-1.1	-2.0
US$/SGD	1.2775	-0.2	0.0	-1.8

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 6 tháng
VN-INDEX	569	481	570
HNX	25	27	32
UPCOM	21	15	13

Các cổ phiếu tác động VN-Index



Nhận định thị trường

Sắc đỏ chiếm phiên, MA20 giữ biên

Thị trường khép lại tuần giao dịch kém tích cực khi tính chung cả tuần, VN-Index giảm hơn 32 điểm (-2% WoW) với 4/5 phiên giảm, dao động trong vùng 1.725 – 1.780 điểm. Trong phiên hôm nay, áp lực bán chiếm ưu thế ngay từ phiên sáng, kết phiên nửa ngày VN-Index giảm 25,26 điểm (-1,44%) xuống 1.730,35 điểm, có thời điểm chỉ số xuyên xuống dưới đường MA20 (quanh 1.737 điểm). Sang phiên chiều, lực cầu quay lại ở cổ phiếu VHM giúp chỉ số thu hẹp đà giảm và đóng cửa trên đường MA20.

Chốt phiên, VN-Index đóng cửa tại mức 1.741,62 điểm, giảm 13,99 điểm (-0,80%). Thanh khoản cải thiện với khối lượng khớp lệnh trên HOSE đạt 574 triệu cổ phiếu (+4,3% DoD), tương ứng giá trị khớp lệnh 11.950 tỷ đồng.

Độ rộng thị trường trên sàn HOSE nghiêng hẳn về bên bán với 253 mã giảm, 72 mã tăng và 49 mã đứng giá. Áp lực chủ yếu đến từ nhóm ngân hàng (VCB, TCB, MBB, LPB), bán lẻ – tiêu dùng (MSN, MCH, MWG, VNM) và vật liệu cơ bản (MSR, HPG, DPM, HSG). Ở chiều ngược lại, lực đỡ hiếm hoi đến từ nhóm bất động sản (VHM, DXG, NVL) cùng một số mã riêng lẻ như GAS, GMD, FRT, HCM.

Khối ngoại duy trì đà bán ròng toàn thị trường với giá trị khoảng 647 tỷ đồng, đánh dấu phiên bán ròng thứ sáu liên tiếp, tập trung ở VIC (-354 tỷ đồng), TCB (-133 tỷ đồng) và MBB (-43 tỷ đồng). Ngược lại, mua ròng ghi nhận ở VHM (+69 tỷ đồng), VCB (+38 tỷ đồng) và VJC (+31 tỷ đồng).

Điểm số kỹ thuật của chúng tôi giảm từ mức 2 điểm xuống 0 điểm, trạng thái đánh giá ngắn hạn ở mức TRUNG TÍNH. Hệ số P/E của VN-Index hiện ở mức 12,9x.

Trần Khánh Linh, Analyst, 84-8-39102222, linh.tk@miraeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Mã	Điểm kỹ thuật	Xu hướng ngắn hạn
VNINDEX	0	TRUNG TÍNH
VN30	-2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	0	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	-2	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	0	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	-5	TIÊU CỰC
Kospi	2	TRUNG TÍNH
Nikkei 225	-2	TRUNG TÍNH
FTSE 100 (EU)	2	TRUNG TÍNH
Dow Jones	0	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Vui lòng xem điều khoản miễn trừ ở trang cuối

Phân tích kỹ thuật

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	0	TRUNG TÍNH
VN30	-2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	0	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	-2	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	0	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index		Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (30/10/2026)	1.741	Kháng cự 1	**1.800**
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	Đi ngang	Kháng cự 2	**1.900**
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 1	**1.700**
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 2	**1.600**

VN-Index trải qua tuần giao dịch dưới MA50 (1.773 điểm), kết phiên giảm điểm sát đường MA20 (1.737 điểm).

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: fireant.com

CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (30/10/2026)	1.858	Kháng cự 1	**1.900**
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TRUNG TÍNH	Kháng cự 2	**2.000**
VN30 - đóng cửa	1.855	Hỗ trợ 1	**1.800**
Chênh lệch **VN30F1M** & **VN30**	**+2,96**	Hỗ trợ 2	**1.700**

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	-3	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart 60 phút)	-7	**TIÊU CỰC**
VN30F1M	0	TRUNG TÍNH

VN30F1M kết phiên giảm điểm và giao dịch dưới đường MA20 (1.877 điểm). ĐIểm số kỹ thuật ngắn hạn duy trì ở mức TRUNG TÍNH.

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: fireant.com

TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)

(*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.
(**) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng SMG ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
VIC	241	2.802.705	4	KHẢ QUAN	1.870.687	43,1	10,7	675
VCB	56,3	3.239.315	4	KHẢ QUAN	470.425	11,3	1,9	182
VPI	57,5	1.992.530	4	KHẢ QUAN	20.243	50,3	3,7	115
VC3	23,2	2.060.515	4	KHẢ QUAN	3.452	48,4	2,2	48
VHM	63	8.208.965	2	TRUNG TÍNH	517.534	5,4	2,0	517
STB	66,3	3.245.505	2	TRUNG TÍNH	124.990	27,4	1,9	215
ACB	21	9.218.340	2	TRUNG TÍNH	121.893	7,6	1,2	194
VJC	131,6	944.750	2	TRUNG TÍNH	101.213	45,9	3,8	124
GAS	78	964.820	2	TRUNG TÍNH	188.210	14,8	2,7	75
GVR	31,25	2.043.320	2	TRUNG TÍNH	125.000	17,7	2,1	64
KOS	4,06	4.148.905	2	TRUNG TÍNH	879	32,0	0,4	17
DPR	38	418.860	2	TRUNG TÍNH	3.302	7,9	1,1	16
EVF	11,8	1.284.575	2	TRUNG TÍNH	8.975	9,2	0,8	15
SHB	10,65	42.456.116	0	TRUNG TÍNH	56.910	4,1	0,7	452
HPG	21	18.565.044	0	TRUNG TÍNH	177.303	6,6	1,3	390
VIX	12	29.574.056	0	TRUNG TÍNH	30.873	14,2	0,9	355
TPB	12,65	14.306.305	0	TRUNG TÍNH	40.355	5,3	0,9	181
VND	13,4	9.299.035	0	TRUNG TÍNH	20.399	9,7	0,9	125
VRE	24,05	3.279.265	0	TRUNG TÍNH	54.649	7,4	1,1	79
TCH	11,85	5.872.880	0	TRUNG TÍNH	11.889	14,9	1,0	70
BVH	69	908.775	0	TRUNG TÍNH	51.220	15,4	2,0	63
NKG	11,9	4.780.715	0	TRUNG TÍNH	5.859	24,1	0,8	57
HAH	49,65	838.375	0	TRUNG TÍNH	9.351	7,2	1,7	42
HSG	10,85	3.484.820	0	TRUNG TÍNH	8.759	13,3	0,7	38
CTS	21	1.521.115	0	TRUNG TÍNH	5.717	15,2	2,0	32
HHP	17,45	1.382.275	0	TRUNG TÍNH	1.609	33,5	1,6	24
HDC	11,25	1.804.520	0	TRUNG TÍNH	2.584	3,9	0,9	20
MBB	19,3	11.350.770	-1	TRUNG TÍNH	194.327	6,2	1,3	219
CTG	30,3	7.047.615	-1	TRUNG TÍNH	235.338	5,9	1,2	214
SHS	12,2	10.927.770	-1	TRUNG TÍNH	10.973	15,0	0,9	133
MBS	15	2.682.015	-1	TRUNG TÍNH	15.014	11,2	1,3	40
HHV	9,3	3.144.285	-1	TRUNG TÍNH	5.089	8,0	0,5	29
PC1	18,5	811.025	-1	TRUNG TÍNH	7.609	7,5	1,1	15
BVS	25,8	563.125	-1	TRUNG TÍNH	1.863	10,8	0,7	15
FPT	52,7	7.297.445	-2	TRUNG TÍNH	99.378	9,6	2,3	385
HDB	22,4	17.106.810	-2	TRUNG TÍNH	145.754	7,3	1,7	383

NVL	10,4	22.814.834	-2	TRUNG TÍNH	33.309	5,6	0,5	237
MWG	74	2.942.205	-2	TRUNG TÍNH	109.201	11,0	3,0	218
VSC	13,2	11.365.685	-2	TRUNG TÍNH	4.942	14,4	0,9	150
PLX	34	3.651.140	-2	TRUNG TÍNH	43.992	14,1	1,7	124
CII	13,2	9.379.245	-2	TRUNG TÍNH	8.870	90,6	0,9	124
MSR	61,2	2.013.285	-2	TRUNG TÍNH	67.624	6.120,0	5,5	123
DXG	10,1	10.155.975	-2	TRUNG TÍNH	12.808	111,6	0,9	103
FRT	148,7	565.505	-2	TRUNG TÍNH	26.590	23,4	5,5	84
CEO	11,1	6.953.325	-2	TRUNG TÍNH	6.613	34,6	1,0	77
ORS	14,15	4.860.800	-2	TRUNG TÍNH	8.829	15,0	1,1	69
PVD	17,95	3.790.075	-2	TRUNG TÍNH	16.653	22,1	1,0	68
PDR	11,3	5.281.195	-2	TRUNG TÍNH	11.275	18,2	0,9	60
IDC	34,2	1.234.300	-2	TRUNG TÍNH	14.277	7,8	2,1	42
PET	51,1	666.550	-2	TRUNG TÍNH	7.907	25,9	3,2	34
KBC	26	1.235.445	-2	TRUNG TÍNH	24.486	14,0	0,9	32
NLG	22	1.334.415	-2	TRUNG TÍNH	10.674	17,8	0,9	29
NVB	14	1.856.190	-2	TRUNG TÍNH	40.992	83,8	1,9	26
HUT	12,4	2.008.310	-2	TRUNG TÍNH	13.247	22,9	1,2	25
OIL	13	1.623.740	-2	TRUNG TÍNH	13.445	37,9	1,3	21
DPG	28,85	545.915	-2	TRUNG TÍNH	3.421	8,0	1,2	16
REE	45,4	340.255	-2	TRUNG TÍNH	28.280	10,3	1,3	15
SSI	19,3	17.636.164	-3	TRUNG TÍNH	57.694	11,4	1,4	340
PNJ	15,5	13.568.390	-3	TRUNG TÍNH	7.932	3,3	0,6	210
GEX	22,2	7.479.035	-3	TRUNG TÍNH	29.048	29,1	1,4	166
VCI	18,5	7.557.350	-3	TRUNG TÍNH	21.316	14,4	1,3	140
BID	33,4	3.266.820	-3	TRUNG TÍNH	259.794	7,8	1,3	109
VNM	56,9	1.799.760	-3	TRUNG TÍNH	118.918	12,0	3,7	102
LPB	36,1	2.016.185	-3	TRUNG TÍNH	107.841	8,9	2,3	73
KDH	13,9	4.609.975	-3	TRUNG TÍNH	17.159	10,5	0,9	64
VCG	14,8	2.544.810	-3	TRUNG TÍNH	10.333	12,1	0,9	38
PVP	18,2	1.557.485	-3	TRUNG TÍNH	1.887	5,8	0,9	28
DRI	14	1.670.830	-3	TRUNG TÍNH	1.025	6,5	1,5	23
BCM	38,4	580.670	-3	TRUNG TÍNH	39.744	19,4	1,8	22
GMD	52,7	1.839.910	-4	TIÊU CỰC	34.220	14,0	2,5	97
VIB	13,8	6.725.715	-4	TIÊU CỰC	51.438	6,7	1,0	93
PVS	30,5	2.867.785	-4	TIÊU CỰC	18.718	8,9	1,2	87
HCM	23,2	2.724.285	-4	TIÊU CỰC	31.319	24,3	2,0	63
DIG	9,55	5.204.845	-4	TIÊU CỰC	8.062	10,4	0,8	50
NT2	22,5	1.449.870	-4	TIÊU CỰC	6.477	4,5	1,2	33
CTD	64	496.620	-4	TIÊU CỰC	7.157	9,1	0,7	32
TNG	17,9	1.321.330	-4	TIÊU CỰC	2.304	4,8	1,1	24
TCB	21,6	18.694.036	-5	TIÊU CỰC	229.594	8,0	1,2	404
MSN	70	5.384.945	-5	TIÊU CỰC	102.226	11,2	2,5	377
VPB	22,95	15.646.965	-5	TIÊU CỰC	229.500	7,4	1,2	359
BSR	27,6	8.578.150	-5	TIÊU CỰC	138.201	6,9	1,9	237
PVT	21,25	7.615.810	-5	TIÊU CỰC	10.985	7,1	1,1	162
MCH	135	619.400	-5	TIÊU CỰC	176.500	24,1	9,7	84
EIB	16,1	4.996.835	-5	TIÊU CỰC	29.990	61,0	1,1	80

DCM	33,3	2.071.710	**-5**	**TIÊU CỰC**	17.629	7,6	1,5	69
DGW	40,95	1.673.720	**-5**	**TIÊU CỰC**	9.147	9,6	2,7	69
VGC	42,2	834.080	**-5**	**TIÊU CỰC**	18.920	10,5	2,1	35
HAG	14,15	2.165.355	**-5**	**TIÊU CỰC**	17.934	5,3	1,1	31
DCL	44	612.540	**-5**	**TIÊU CỰC**	3.214	#N/A N/A	2,1	27
DBC	15,4	1.719.450	**-5**	**TIÊU CỰC**	6.638	6,6	0,8	26
SBT	20,7	1.266.295	**-5**	**TIÊU CỰC**	19.347	26,3	1,6	26
VEA	37,3	696.870	**-5**	**TIÊU CỰC**	49.564	6,3	2,1	26
DHC	36,8	494.795	**-5**	**TIÊU CỰC**	3.910	6,7	1,5	18
PHP	42,7	397.240	**-5**	**TIÊU CỰC**	13.961	17,0	2,3	17
POW	12,2	4.793.415	**-6**	**TIÊU CỰC**	37.428	6,2	0,9	58
DPM	20,4	2.028.445	**-7**	**TIÊU CỰC**	13.870	9,2	1,2	41
ACV	39,7	851.785	**-7**	**TIÊU CỰC**	142.218	12,8	1,9	34
ANV	16	1.525.545	**-7**	**TIÊU CỰC**	4.260	4,9	1,1	24
PAN	17	1.053.525	**-7**	**TIÊU CỰC**	4.261	3,5	0,8	18
CSV	22,75	718.185	**-7**	**TIÊU CỰC**	2.514	9,4	1,5	16

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

BOJ giữ nguyên lãi suất khi lạm phát tiến sát mục tiêu sau 13 năm

Hôm thứ Sáu (30/10), Ngân hàng Trung ương Nhật Bản (BOJ) đã giữ nguyên lãi suất ở mức 1,25%, đồng thời báo hiệu khả năng tăng lãi suất trong tương lai khi đạt được cột mốc lạm phát mong đợi từ lâu. Với chi phí năng lượng cao và giá nhập khẩu tăng do đồng yên yếu cộng thêm áp lực lạm phát, BOJ đã tăng lãi suất vào tháng 9 sau khi thực hiện đợt tăng lãi suất vào tháng 6 - khoảng thời gian ngắn hơn so với mức tăng hai lần một năm vào năm 2024 và 2025. Do đó, thị trường đều đồng thuận rằng BOJ sẽ giữ nguyên lãi suất trong tháng này.

BOJ cho biết lạm phát tiêu dùng cơ bản đang ở mức phù hợp với mục tiêu ổn định giá là 2% và dự kiến sẽ duy trì ở mức đó. Đây là lần đầu tiên BOJ đưa ra đánh giá như vậy kể từ khi thiết lập mục tiêu này vào năm 2013, đồng thời đánh dấu một bước ngoặt lịch sử trong cuộc chiến lâu dài nhằm đạt được mức tăng trưởng giá cả bền vững.

Nguồn: *tinnhanhchungkhoan.vn*

Ngân hàng Trung ương châu Âu "chốt" giữ nguyên lãi suất ở mức 2.5%

Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) ngày 29/10 quyết định giữ nguyên lãi suất, trong bối cảnh những lo ngại về chi phí năng lượng gia tăng và tình hình bất ổn tại Pháp càng thu hút sự chú ý sau thông báo từ chức sớm của Chủ tịch ECB Christine Lagarde.

Cụ thể, tại cuộc họp chính sách mới nhất, ECB duy trì lãi suất tiền gửi ở mức 2.5%, phù hợp với dự báo của hầu hết các nhà kinh tế tham gia khảo sát của Bloomberg. Quyết định được công bố chỉ vài giờ sau khi bà Lagarde thông báo sẽ rời nhiệm sở vào tháng 2/2027, sớm hơn nhiều tháng so với thời điểm kết thúc nhiệm kỳ.

Nguồn: *vietstock.vn*

Xuất nhập khẩu Việt Nam cán mốc 1.000 tỷ USD

Dù đối mặt với nhiều thách thức, đến ngày 29/10/2026, tổng trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam đã đạt cột mốc lịch sử 1.000 tỷ USD, trong khi còn hơn 2 tháng nữa mới kết thúc năm. Trong đó, xuất khẩu đạt khoảng 493,64 tỷ USD, tăng 105,56 tỷ USD, tương đương 27,2% so với cùng kỳ năm trước; nhập khẩu đạt 507,66 tỷ USD, tăng 138,72 tỷ USD, tương đương 37,6%.

Từ đầu năm đến hết ngày 29/10/2026, khối doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đạt tổng trị giá xuất nhập khẩu 778 tỷ USD, chiếm 77,5% tổng kim ngạch cả nước, tăng 37% so với cùng kỳ năm trước. Trong khi đó, trị giá xuất nhập khẩu của khối doanh nghiệp trong nước đạt khoảng 223 tỷ USD, tăng 16%.

Xuất khẩu sang nhiều thị trường có hiệp định thương mại tự do (FTA) tiếp tục tăng trưởng tích cực. Cụ thể, xuất khẩu sang Nhật Bản tăng 18,6%, Hàn Quốc tăng 19,1%, Canada tăng 14,4% và Mexico tăng 42,5%. Trung Quốc và Hoa Kỳ tiếp tục là những đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam. Xét theo nhóm hàng, ba nhóm có trị giá xuất nhập khẩu lớn nhất gồm máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện; điện thoại các loại và linh kiện; máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng. Tổng trị giá xuất nhập khẩu của ba nhóm hàng này đạt 532 tỷ USD, chiếm 54% tổng kim ngạch cả nước, tăng 49% so với cùng kỳ năm trước.

Nguồn: *tinnhanhchungkhoan.vn*

SAB: SABECO báo lãi 3.761 tỷ đồng sau 9 tháng, tăng 8,9%

Trong 9 tháng đầu năm 2026, SABECO ghi nhận doanh thu thuần hợp nhất 20.029 tỷ đồng, tăng 5,1% so với cùng kỳ; lợi nhuận sau thuế đạt 3.761 tỷ đồng, tăng 8,9%. Đáng chú ý, lợi nhuận gộp tăng 13,5%, lên 7.615 tỷ đồng, đưa biên lợi nhuận gộp từ 35,2% lên 38%. Kết quả này được hỗ trợ bởi tăng trưởng doanh thu, diễn biến thuận lợi của chi phí một số nguyên liệu và hiệu quả sản xuất cải thiện. Qua đó, SABECO duy trì tăng trưởng lợi nhuận trong bối cảnh ngành bia vẫn đối mặt với cạnh tranh và áp lực chi phí logistics.

Riêng quý III/2026, doanh thu của SABECO đạt 6.684,15 tỷ đồng, tăng 3,8% so với cùng kỳ; lợi nhuận sau thuế đạt 1.271,8 tỷ đồng. Biên lợi nhuận gộp tiếp tục cải thiện lên 38,1%, trong khi biên lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chính duy trì ở mức 18,3%. Kết quả lợi nhuận cũng chịu ảnh hưởng bởi nền so sánh cao, do cùng kỳ năm trước ghi nhận các tác động kế toán liên quan đến thương vụ SABIBECO.

Nguồn: *tinnhanhchungkhoan.vn*

BCM: Becamex IDC lãi ròng 9 tháng giảm 60,9% và dòng tiền âm thêm 2.614,97 tỷ đồng

Trong quý III/2026, Becamex IDC ghi nhận doanh thu đạt 940,99 tỷ đồng, tăng 13,6% so với cùng kỳ; lợi nhuận sau thuế đạt 579,3 tỷ đồng, tăng 37,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, biên lợi nhuận gộp giảm từ 61,6%, về 57,7%. Luỹ kế trong 9 tháng đầu năm 2026, Becamex IDC ghi nhận doanh thu đạt 2.590,89 tỷ đồng, giảm 53,5% so với cùng kỳ; lợi nhuận sau thuế đạt 886,4 tỷ đồng, giảm 60,9% so với cùng kỳ năm trước.

Trong năm 2026, Becamex IDC đặt kế hoạch doanh thu 10.230 tỷ đồng, tăng 4,2% so với cùng kỳ; lợi nhuận sau thuế dự kiến 3.883 tỷ đồng, tăng 10,2% so với thực hiện trong năm 2025. Như vậy, kết thúc 9 tháng đầu năm 2026 với lãi sau thuế đạt 886,4 tỷ đồng, Becamex IDC mới hoàn thành 22,8% kế hoạch năm. Bên cạnh kinh doanh đi lùi, trong 9 tháng đầu năm 2026, Becamex IDC còn ghi nhận dòng tiền kinh doanh âm thêm 2.614,97 tỷ đồng so với cùng kỳ âm 392,9 tỷ đồng. Ngoài ra, cũng trong kỳ, dòng tiền đầu tư dương 201,8 tỷ đồng và dòng tiền tài chính dương 1.126,69 tỷ đồng.

Nguồn: *tinnhanhchungkhoan.vn*

PC1: Tập đoàn PC1 báo lãi 893,95 tỷ đồng trong 9 tháng đầu năm 2026

Trong quý III/2026, Tập đoàn PC1 ghi nhận doanh thu đạt 2.619,29 tỷ đồng, giảm 20,1% so với cùng kỳ; lợi nhuận sau thuế đạt 416,35 tỷ đồng, tăng 5,6% so với cùng kỳ. Trong đó, biên lợi nhuận gộp cải thiện từ 20,8%, lên 27,6%.

Trong kỳ, lợi nhuận gộp tăng 6,2% so với cùng kỳ, tương ứng tăng thêm 42,13 tỷ đồng, lên 723,65 tỷ đồng; doanh thu tài chính tăng 77,6%, tương ứng tăng thêm 41,38 tỷ đồng, lên 94,72 tỷ đồng; chi phí tài chính tăng 3,8%, tương ứng tăng thêm 7,63 tỷ đồng, lên 209,64 tỷ đồng; chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp giảm 1,8%, tương ứng giảm 2,4 tỷ đồng, về 134,11 tỷ đồng và các hoạt động khác biến động không đáng.

Luỹ kế trong 9 tháng đầu năm 2026, Tập đoàn PC1 ghi nhận doanh thu đạt 6.825,32 tỷ đồng, giảm 15,5% so với cùng kỳ; lợi nhuận sau thuế đạt 893,95 tỷ đồng, tăng 27% so với cùng kỳ năm trước.

Nguồn: *tinnhanhchungkhoan.vn*

FRT: FPT Retail tăng trưởng 33% doanh thu sau 9 tháng, tiếp tục nâng cao hiệu quả vận hành

Theo kết quả kinh doanh vừa công bố, CTCP Bán lẻ Kỹ thuật số FPT (FRT) đạt doanh thu hợp nhất 48.3 ngàn tỷ đồng sau 9 tháng đầu năm 2026, tăng 33% so với cùng kỳ. Lợi nhuận trước thuế đạt 1.7 ngàn tỷ đồng, tăng 114%. Riêng quý 3, doanh thu tăng 34% so với cùng kỳ. Kênh bán hàng trực tuyến mang về 8.3 ngàn tỷ đồng, tăng 29%. Hai hệ thống Long Châu và FPT Shop đều tăng doanh thu, trong đó mảng nhà thuốc và tiêm chủng tiếp tục đóng góp phần lớn nguồn thu của Công ty.

Doanh thu hệ thống nhà thuốc và tiêm chủng Long Châu đạt 33.4 ngàn tỷ đồng, tăng 35% và chiếm 69% doanh thu hợp nhất. Mỗi nhà thuốc thu bình quân 1.3 tỷ đồng/tháng trong 9 tháng đầu năm. Đến cuối tháng 9, Long Châu có 2,741 nhà thuốc và 244 trung tâm tiêm chủng trên toàn quốc, lần lượt tăng 324 và 21 địa điểm so với đầu năm. Bên cạnh mở rộng mạng lưới, hệ thống hợp tác với các doanh nghiệp dược phẩm và tổ chức y tế trong, ngoài nước để bổ sung sản phẩm, nâng chuyên môn cho dược sĩ và tổ chức hoạt động chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

Nguồn: *vietstock.vn*

HPG: Hòa Phát lãi hơn 8.2 ngàn tỷ trong quý 3

Trong quý 3/2026, Tập đoàn Hòa Phát (HPG) đạt doanh thu 62,669 tỷ đồng, tăng 70% so với cùng kỳ năm 2025; lợi nhuận sau thuế đạt 8,265 tỷ đồng trong quý 3/2026, tăng 106% so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế 9 tháng, doanh thu đạt 171,539 tỷ đồng, tương ứng tăng 54%; lợi nhuận sau thuế đạt 23,746 tỷ đồng, tăng 104%.

Năm 2026, doanh nghiệp đặt mục tiêu doanh thu 210,000 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 22,000 tỷ đồng. Sau 9 tháng, Hòa Phát đã hoàn thành 82% kế hoạch doanh thu và 108% mục tiêu lợi nhuận. Lĩnh vực thép đóng góp 97% doanh thu và 77% lợi nhuận của tập đoàn.

Tính chung 9 tháng, Hòa Phát sản xuất 10.7 triệu tấn thép thô, tăng 35% so với cùng kỳ năm 2025. Sản lượng bán hàng HRC, thép xây dựng, thép cuộn chất lượng cao và phôi thép đạt 10.3 triệu tấn, tăng 39%. Riêng HRC đạt 5.47 triệu tấn, tăng 59% so với cùng kỳ và chiếm hơn một nửa tổng sản lượng bán hàng các sản phẩm thép của tập đoàn. Đà tăng của HRC góp phần đáng kể vào mức tăng trưởng sản lượng thép chung trong 9 tháng.

Nguồn: *vietstock.vn*

TPB: TPBank tiến sát mốc 600,000 tỷ đồng tổng tài sản sau 9 tháng, lợi nhuận tăng hơn 23%

Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TPBank, HOSE: TPB) vừa công bố báo cáo tài chính quý 3/2026, ghi nhận bước tăng trưởng mạnh mẽ về quy mô tài sản. Với mức tăng hơn 90,000 tỷ đồng trong 9 tháng đầu năm, TPBank đã đưa tổng tài sản hợp nhất lên sát mốc 600,000 tỷ đồng tại thời điểm 30/09/2026, gần chạm mục tiêu cả năm khi vẫn còn một quý phía trước. Quy mô này tăng 17.9% so với cuối năm 2025 và cao hơn 32% so với cùng kỳ năm trước, tương đương mức tăng hơn 144,000 tỷ đồng trong vòng 12 tháng.

Nhờ sự mở rộng của quy mô hoạt động, lợi nhuận 9 tháng đầu năm 2026 của TPBank đạt 7,464 tỷ đồng, tăng 23.4% so với cùng kỳ năm trước, cho thấy đà tăng trưởng lợi nhuận được duy trì song hành với tăng trưởng quy mô. Bên cạnh sự tăng trưởng của thu nhập lãi thuần, động lực quan trọng thúc đẩy kết quả kinh doanh tích cực của TPBank đến từ mảng thu nhập ngoài lãi. Tính đến hết 30/09/2026, thu nhập thuần từ dịch vụ của ngân hàng đạt 3559 tỷ đồng, tăng bứt phá 21.3% so với cùng kỳ năm 2025.

Nguồn: *vietstock.vn*

BVB: BVBank mới phân phối gần 73% lượng cổ phiếu trong đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu

Ngân hàng TMCP Bản Việt (BVBank, HOSE: BVB) vừa thông báo kết quả phát hành cổ phiếu từ đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu và phê duyệt danh sách nhà đầu tư được phân phối lại số cổ phiếu không đặt mua hết. Trước đó, BVBank dự kiến chào bán cho cổ đông hiện hữu hơn 320.4 triệu cp với giá 10,000 đồng/cp, tổng giá trị chào bán hơn 3,204 tỷ đồng. Thời gian phân phối dự kiến từ 29/09-19/10.

Theo kết quả phát hành, BVBank chỉ phân phối thành công gần 232.6 triệu cp, tỷ lệ gần 73% tổng số lượng dự kiến chào bán. Số cổ phiếu lẻ, cổ phiếu còn dư do cổ đông không mua hết hơn 87.8 triệu cp. Dự kiến, số cổ phiếu được phân phối lại là 87.5 triệu cp với giá 10,000 đồng/cp (tổng giá trị 875 tỷ đồng). Thời gian nộp tiền đến hết 02/11. Số cổ phiếu này sẽ được phân phối lại cho 10 nhà đầu tư và sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong 1 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

Nguồn: *vietstock.vn*

VCG: Lợi nhuận Vinaconex lao dốc hơn 90%, dòng tiền kinh doanh âm hơn 1,800 tỷ

Không còn ghi nhận lợi nhuận từ chuyển nhượng khoản đầu tư tại công ty con như cùng kỳ, Tổng CTCP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (Vinaconex, HOSE: VCG) khép lại quý 3/2026 với lãi ròng giảm 91%, về còn gần 306 tỷ đồng. Thêm vào đó, doanh thu thuần giảm 26%, xuống 3,296 tỷ đồng, gây thêm áp lực lên lợi nhuận.

Vinaconex đã thoái toàn bộ 51% cổ phần tại CTCP Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex (UPCoM: VCR) - chủ đầu tư của dự án bất động sản nghỉ dưỡng Cát Bà Amatina, quy mô trên 172ha trong quý 3 năm ngoái, thu về khoản lãi đột biến gần 3.3 ngàn tỷ.

Sau 9 tháng, Vinaconex mang về doanh thu thuần hơn 10,536 tỷ đồng, giảm 8%. Trong khi lợi nhuận sau thuế đạt hơn 1,015 tỷ đồng, kém 73% so với cùng kỳ. Đóng góp chính vào nguồn thu vẫn đến từ hoạt động xây lắp, hơn 7.6 ngàn tỷ đồng, giảm 5%. Tiếp đến là sản xuất công nghiệp gần ngàn tỷ đồng, tăng 24%; trong khi kinh doanh bất động sản hơn 600 tỷ đồng, giảm 53%.

Nguồn: *vietstock.vn*

DPG: Đạt Phương duy trì đà tăng trưởng

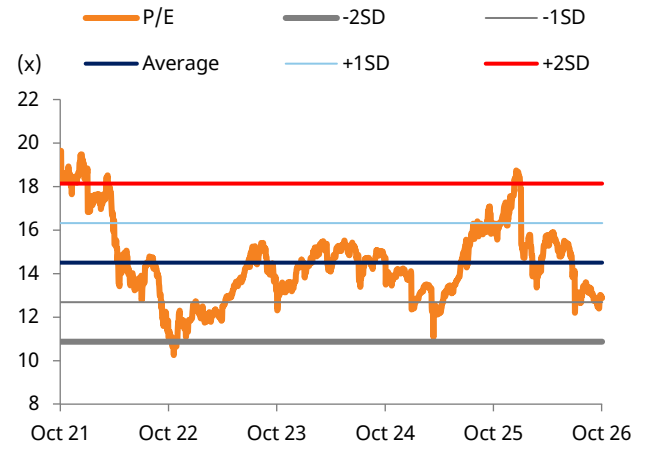
Theo báo cáo tài chính quý III/2026 công ty mẹ Đạt Phương ghi nhận doanh thu thuần đạt 1.705,4 tỷ đồng, tăng 57,8% so với mức 1.080,8 tỷ đồng cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận gộp đạt gần 178 tỷ đồng, tăng hơn gấp đôi so với mức 84,7 tỷ đồng của quý III/2025.

Nếu xét lũy kế 9 tháng, doanh thu thuần đạt 3.775,5 tỷ đồng, tăng 53,13% so với mức 2.465,6 tỷ đồng cùng kỳ. Lợi nhuận gộp đạt 314,5 tỷ đồng, gần gấp đôi mức 159,4 tỷ đồng của 9 tháng đầu năm 2025. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh đạt 307,3 tỷ đồng, tăng hơn 103% so với cùng kỳ. Lợi nhuận trước thuế đạt 302,9 tỷ đồng, trong khi lợi nhuận sau thuế đạt 251,1 tỷ đồng, tăng 51,65% so với mức 165,6 tỷ đồng của cùng kỳ năm trước.

Nguồn: *vietstock.vn*

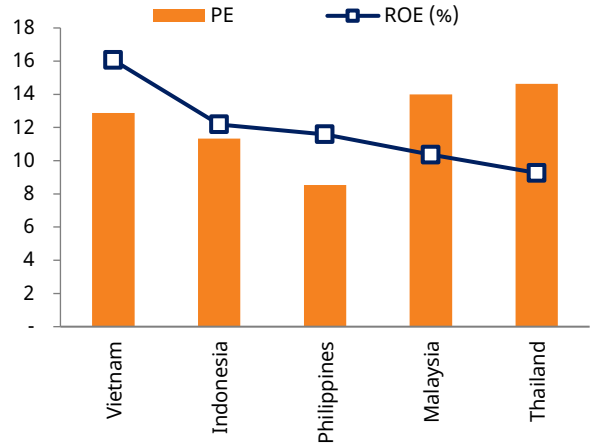
Chỉ báo tham khảo

Biểu đồ định giá P/E lịch sử của VN Index



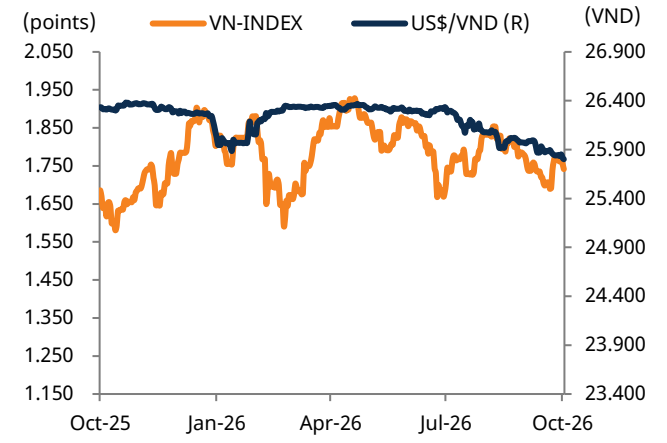
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ định giá P/E và ROE các thị trường



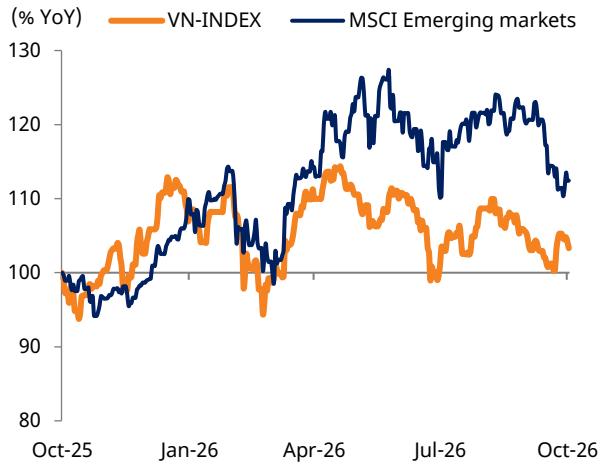
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ VN-Index và tỷ giá USD/VND



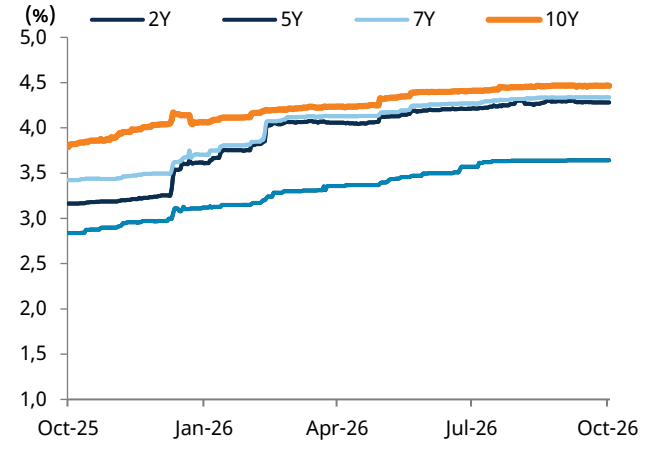
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ VN Index và MSCI Emerging Markets



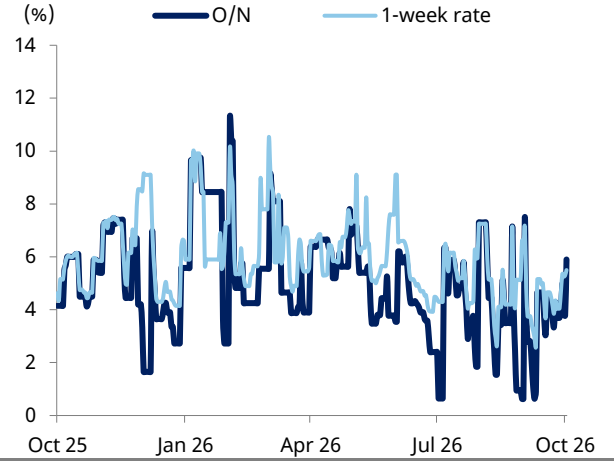
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Vốn hóa	Giá (VND)			Biến động giá (%)				Định giá (TTM)[1]			Sở hữu	Cổ tức			
		(VNDbn)	Đóng cửa	52Wcao	52Wthấp	1D	1W	1M	1Y	P/E	P/B	ROE(%)	Khối ngoại	EXdate	DPS[2]	12T[3]	FY24[4]
VN-Index		**8,469,994**	**1,741.62**	**1,936.55**	**1,578.42**	**-0.8**	**-1.8**	**-1.5**	**4.3**	**12.9**	**1.9**	**16.1**					
VN30 Index		**6,468,487**	**1,855.04**	**2,121.13**	**1,737.11**	**-1.2**	**-2.7**	**-2.7**	**-3.6**	**11.1**	**1.9**	**18.1**					
Asia Commercial Bank JSC	ACB VN	121,893	21,000	23,982	19,204	-1.4	-1.4	-0.5	-5.5	7.6	1.2	16.7	22.3	6/15/2026	619	2.9	3.3
Bank for Investment and Development	BID VN	259,794	33,400	52,975	32,150	-1.3	-2.5	-7.1	-5.8	7.8	1.3	16.5	17.4	7/17/2026	0	1.3	N/A
Petrovietnam Refining and Petrochemical Corp	BSR VN	138,201	27,600	39,600	13,500	-0.2	-5.0	-12.1	66.3	6.9	1.9	30.4	1.6	8/11/2026	300	1.1	0.9
Vietnam Joint Stock Commercial Bank	CTG VN	235,338	30,300	43,500	28,400	-1.3	-2.1	1.0	-10.9	5.9	1.2	22.2	24.5	7/23/2026	0	1.5	1.6
FPT Corp	FPT VN	99,378	52,700	98,818	52,400	0.0	-7.5	-16.3	-43.6	9.6	2.3	26.2	27.0	11/27/2026	1,818	3.5	3.9
PetroVietnam Gas JSC	GAS VN	188,210	78,000	131,500	59,700	2.6	-0.4	-4.9	30.7	14.8	2.7	18.4	2.1	9/22/2026	2,500	3.2	3.6
Vietnam Rubber Group Ltd	GVR VN	125,000	31,250	46,500	25,100	-2.2	-1.6	-6.2	10.2	17.7	2.1	12.1	N/A	11/10/2026	400	1.3	1.3
Ho Chi Minh City Development JCB	HDB VN	145,754	22,400	23,450	17,230	-1.3	-0.7	5.9	13.1	7.3	1.7	25.8	19.2	7/12/2024	0	N/A	N/A
Hoa Phat Group JSC	HPG VN	177,303	21,000	27,000	19,600	-0.9	0.2	4.2	-14.1	6.6	1.3	17.4	21.7	5/11/2026	455	2.2	1.6
Fortune Vietnam JCB	LPB VN	107,841	36,100	58,500	36,100	-3.2	-10.6	-18.0	-30.6	8.9	2.3	26.9	1.5	5/14/2026	3,000	8.3	8.3
Military Commercial JCB	MBB VN	194,327	19,300	24,426	17,678	-2.0	-2.5	-1.8	-2.7	6.2	1.3	22.1	22.3	7/9/2026	828	4.3	4.2
Masan Consumer Corp	MCH VN	176,500	135,000	183,343	125,000	-1.7	-4.9	-2.9	N/A	24.1	9.7	42.6	11.1	8/10/2026	4,074	3.0	3.7
Masan Group Corp	MSN VN	102,226	70,000	85,500	61,700	-2.9	-5.7	1.4	-11.7	11.2	2.5	24.6	24.8	7/4/2022	0	N/A	1.7
Mobile World Investment Corp	MWG VN	109,201	74,000	94,400	62,500	-2.4	-2.0	2.2	-11.8	11.0	3.0	30.2	49.0	10/7/2026	2,000	2.7	3.1
Saigon Beer Alcohol Beverage Corp	SAB VN	54,381	42,400	57,100	42,050	0.2	-1.9	-1.2	-7.2	12.1	2.6	21.4	58.8	12/28/2026	5,000	11.8	11.4
Saigon - Hanoi JSC Bank	SHB VN	56,910	10,650	17,150	9,550	-0.5	-2.3	-7.0	-36.1	4.1	0.7	17.5	4.3	6/9/2025	591	N/A	N/A
Southeast Asia JSC Bank	SSB VN	51,603	15,050	24,800	13,234	-3.5	-9.6	-17.5	1.3	17.8	1.2	7.1	0.9	N/A	0	N/A	N/A
SSI Securities Corp	SSI VN	57,694	19,300	29,167	18,083	-1.5	-3.3	-4.0	-27.0	11.4	1.4	13.9	N/A	8/17/2026	833	4.3	4.5
Saigon Thuong Tin JSC Bank	STB VN	124,990	66,300	79,000	45,950	-0.9	-3.2	-10.4	16.5	27.4	1.9	2.4	10.4	11/29/2013	0	N/A	N/A
Vietnam Technological & Commer	TCB VN	229,594	21,600	25,467	18,533	-3.4	-5.3	-0.5	-9.2	8.0	1.2	16.3	20.8	5/19/2026	467	2.2	2.5
Techcom Securities JSC	TCX VN	91,557	27,500	45,000	26,600	-1.1	-6.5	-5.7	N/A	14.7	1.9	13.8	8.2	4/7/2026	0	1.3	1.5
Bank for Foreign Trade of Vietnam	VCB VN	470,425	56,300	78,800	52,600	-1.6	-0.9	-2.9	-7.1	11.3	1.9	18.0	19.8	7/23/2026	450	0.8	0.8
Vinhomes JSC	VHM VN	517,534	63,000	86,650	43,450	1.4	-2.0	-8.0	21.2	5.4	2.0	33.1	6.3	6/29/2026	3,000	4.8	3.2
Vietnam International JSC Bank	VIB VN	51,438	13,800	17,580	12,831	-1.4	-2.8	3.4	-19.4	6.7	1.0	16.2	3.9	4/29/2026	822	6.0	5.7
Vingroup JSC	VIC VN	1,870,687	241,000	265,000	93,000	0.0	1.9	5.7	136.2	43.1	10.7	12.6	3.1	8/6/2014	0	N/A	0.0
Vietjet Aviation JSC	VJC VN	101,213	131,600	169,231	111,923	0.0	1.5	-0.3	-12.5	45.9	3.8	8.7	5.2	4/23/2019	0	N/A	N/A
Vietnam Dairy Products JSC	VNM VN	118,918	56,900	75,500	54,600	-1.4	-1.2	-4.2	-0.4	12.0	3.7	31.1	49.7	11/11/2026	4,350	8.3	8.0
Vietnam Prosperity JSC Bank	VPB VN	229,500	22,950	24,952	18,962	-1.1	-4.8	-1.9	-0.9	7.4	1.2	18.3	22.2	5/15/2026	397	1.7	1.8
Vinpearl JSC	VPL VN	161,576	90,100	111,000	67,000	0.0	4.8	13.8	16.3	56.0	3.7	7.5	6.5	N/A	0	N/A	N/A
Vincom Retail JSC	VRE VN	54,649	24,050	39,500	20,900	-0.4	-3.8	-1.2	-30.5	7.4	1.1	15.3	11.4	6/30/2026	1,000	4.2	2.1

Nguồn:MiraeAssetResearch,Bloomberg

Ghi chú:[1]Các chỉ tiêu dự báo theo Bloomberg;[2]DPS:Tỷ lệ chi trả cổ tức; [3]Tỷ suất cổ tức, tính theo giá trị chi trả trong12tháng gần nhất và giá trị thị trường của cổ phiếu;[4]Ước tính tỷ suất cổ tức của năm tài chính hiện tại

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này. Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây. Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này. MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành. Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.